

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 21

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 21 đệ trình Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng số 21 được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Xây dựng số 21 thuộc Tổng công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam theo Quyết định số 1995/QĐ-BXD ngày 14/12/2004 của Bộ Xây dựng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (hiện nay đã nhập vào thành phố Hà Nội) cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0303000252, đăng ký lần đầu ngày 10/3/2005.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Tô Ngọc Thành	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tuấn Cường	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Việt	Ủy viên
Ông Ngô Văn Dũng	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Vịnh	Ủy viên

Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Việt	Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Vịnh	Phó Giám đốc
Ông Ngô Văn Dũng	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens International Limited.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Xuân Việt

Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2009

Số: /2009/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2008 của Công ty Cổ phần Xây dựng số 21

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Xây dựng số 21**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty Cổ phần Xây dựng số 21 (gọi tắt là “Công ty”) từ trang số 06 đến trang số 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

- Giá vốn của các công trình đã ghi nhận doanh thu trong năm được xác định bằng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu năm (+) chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong năm trừ (-) chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm. Tuy nhiên, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các tài liệu cần thiết để đánh giá tính phù hợp của phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề đã nêu tại phần Hạn chế phạm vi kiểm toán, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Lưu ý:

- Việc ghi nhận vốn và tài sản cố định vô hình là giá trị thương hiệu với số tiền 300.000.000 đồng có sự khác biệt so với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình.
- Tại ngày 31/12/2008, số vốn điều lệ đã thực góp thấp hơn so với vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 23.000.000.000 đồng.

Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV

Trương Văn Nghĩa
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1140/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 21**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		267.692.680.613	193.542.673.619
I- Tiền	110		5.181.696.735	35.389.145.513
1. Tiền	111	5.1	5.181.696.735	35.389.145.513
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		81.125.568.180	84.230.027.688
1. Phải thu khách hàng	131		64.102.790.851	82.704.270.480
2. Trả trước cho người bán	132		7.542.144.137	1.427.490.710
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	98.266.498
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	9.480.633.192	-
IV- Hàng tồn kho	140		157.400.024.075	73.594.930.418
1. Hàng tồn kho	141	5.3	157.400.024.075	73.594.930.418
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		23.985.391.623	328.570.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		320.334.758	132.000.000
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		500.000.000	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	23.165.056.865	196.570.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		20.086.892.461	17.566.595.052
(200 = 210+220+240+250+260)				
I Các khoản phải thu dài hạn	210		50.000.000	25.000.000
4. Phải thu dài hạn khác	218		50.000.000	25.000.000
II Tài sản cố định	220		19.589.966.117	17.497.478.516
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	17.570.950.087	15.604.871.135
- Nguyên giá	222		27.130.828.894	22.227.910.977
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.559.878.807)	(6.623.039.842)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.6	902.455.830	532.418.091
- Nguyên giá	225		1.317.197.182	794.728.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(414.741.352)	(262.310.000)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	1.116.560.200	1.156.282.600
- Nguyên giá	228		1.225.630.000	1.225.630.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(109.069.800)	(69.347.400)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	203.906.690
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		446.926.344	44.116.536
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		446.926.344	44.116.536
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		287.779.573.074	211.109.268.671

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		259.607.343.124	185.248.868.434
I- Nợ ngắn hạn	310		155.961.003.089	176.788.239.216
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	38.609.918.994	100.892.113.891
2. Phải trả người bán	312		59.131.698.978	1.392.548.821
3. Người mua trả tiền trước	313		28.589.384.959	20.960.281.760
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	2.210.709.780	2.964.529.707
5. Phải trả người lao động	315		16.148.303.706	171.579.152
6. Chi phí phải trả	316	5.10	2.717.633.350	11.300.000.000
7. Phải trả nội bộ	317		389.313.276	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.11	8.164.040.046	39.107.185.885
II- Nợ dài hạn	330		103.646.340.035	8.460.629.218
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.12	101.731.161.763	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.13	1.903.127.881	8.448.578.827
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		12.050.391	12.050.391
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		28.172.229.950	25.860.400.237
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410		28.136.916.459	26.202.712.746
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.14	17.000.000.000	16.834.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.14	3.300.000.000	3.250.200.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.14	2.619.945.938	1.417.082.938
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.14	831.728.600	449.867.600
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.14	4.385.241.921	4.251.562.208
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		35.313.491	(342.312.509)
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		35.313.491	(342.312.509)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		287.779.573.074	211.109.268.671

Nguyễn Xuân Việt

Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2009

Nguyễn Hải Hiệp

Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2008	Năm 2007
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.15	167.342.147.465	164.288.341.438
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.15	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.15	167.342.147.465	164.288.341.438
4. Giá vốn hàng bán	11	5.16	149.504.240.604	148.972.873.254
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		17.837.906.861	15.315.468.184
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	221.718.328	80.715.809
7. Chi phí tài chính	22	5.18	8.840.495.424	8.036.651.097
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>8.771.754.156</i>	<i>8.005.802.201</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.19	5.239.162.061	2.824.273.440
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		3.979.967.704	4.535.259.456
11. Thu nhập khác	31		413.034.456	119.936.519
12. Chi phí khác	32		204.290.114	214.948.393
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		208.744.342	(95.011.874)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		4.188.712.046	4.440.247.582
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.20	586.420.000	621.634.600
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		3.602.292.046	3.818.612.982
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.21	2.119	2.761

Nguyễn Xuân Việt

Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2009

Nguyễn Hải Hiệp

Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.188.712.046	4.440.247.582
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	3.777.207.864	2.597.008.691
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(221.718.328)	(118.811.009)
- Chi phí lãi vay	06	8.771.754.156	8.036.651.097
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	16.515.955.738	14.955.096.361
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(20.389.027.357)	(934.406.701)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(83.805.093.657)	(66.564.112.337)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	142.599.700.533	27.382.281.746
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(591.144.566)	568.303.420
- Tiền lãi vay đã trả	13	(8.771.754.156)	(8.036.651.097)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(500.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	500.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(859.151.399)	(485.847.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	44.699.485.136	(33.614.835.608)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(5.537.511.066)	(5.209.341.219)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	280.000.000	38.095.200
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	221.718.328	80.715.809
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.035.792.738)	(5.090.530.210)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	215.800.000	11.222.406.400
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	62.520.682.516	163.560.612.135
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(131.348.328.359)	(103.627.706.756)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.259.295.333)	(813.750.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(69.871.141.176)	70.341.561.779
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	35.389.145.513	3.752.949.552
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.181.696.735	35.389.145.513

Nguyễn Xuân Việt

Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2009

Nguyễn Hải Hiệp

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 21

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng số 21 được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Xây dựng số 21 thuộc Tổng công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam theo Quyết định số 1995/QĐ-BXD ngày 14/12/2004 của Bộ Xây dựng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (hiện nay đã nhập vào thành phố Hà Nội) cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0303000252, đăng ký lần đầu ngày 10/3/2005.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000252, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 26/6/2008, vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 đồng (tương ứng với 4.000.000 cổ phần, mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng). Số cổ phần đã góp là 1.700.000 cổ phần, số cổ phần được quyền chào bán là 2.300.000 cổ phần. Các cổ đông sáng lập được thể hiện trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	1.020.000	1.020.000.000	60%
Nguyễn Xuân Việt	39.000	390.000.000	2,29%
Ngô Văn Dũng	35.400	354.000.000	2,08%

Địa chỉ đăng ký: Khối 11, phường Quang Trung, thành phố Hà Đông, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Công ty đăng ký hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, sân bay, bến cảng, đường hầm, cấp thoát nước, bưu điện, văn hóa, thủy điện, nhiệt điện, phong điện, đường dây và trạm biến thế 500KV, các công trình kỹ thuật hạ tầng, khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;
- Tư vấn đầu tư xây dựng các dự án: Lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, tư vấn giám sát và quản lý dự án, tư vấn thiết bị công nghệ mới và thiết bị tự động hóa; Khảo sát địa hình, địa chất thủy văn, đo đạc công trình, thí nghiệm;
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu dân cư, khu kinh tế mới, khu chế xuất, khu công nghiệp; Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ, khách sạn; Du lịch lữ hành; Vận chuyển hành khách du lịch;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, dây truyền công nghệ tự động hóa, vật liệu xây dựng, đại lý tiêu thụ cho các hãng trong và ngoài nước;
- Khai thác, sản xuất, chế biến, kinh doanh các loại cầu kiện và vật liệu dùng trong xây dựng, trang trí nội thất, ngoại thất.

Hoạt động chính trong năm của Công ty trong năm 2008 là xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp; đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

3. Áp dụng các Chuẩn mực và chế độ kế toán

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã ban hành có liên quan và Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

4.4 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải	5 - 8
Dụng cụ quản lý	3 - 5

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**4.5 Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là giá trị thương hiệu của Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam được xác định theo Quyết định số 1117/QĐ/VC-TCKH ngày 08/9/2003 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam khi góp vốn vào Công ty; giá trị phân mềm kế toán Công ty đầu tư năm 2007 và tiền đền bù đất để xây dựng bãi khai thác cát.

4.6 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Lãi tiền vay phát sinh từ các khoản vay khác được hạch toán vào Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.7 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ các giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ và được phản ánh trên hoá đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh.

Việc xác định doanh thu của Hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và các yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Lãi, lỗ thực tế của mỗi công trình thường chỉ được xác định đúng khi công trình đã hoàn thành, giá trị công trình đã được quyết toán và lãi, lỗ đối với phần khối lượng hoàn thành trong từng năm có thể chưa phản ánh đúng thực tế hoạt động kinh doanh của năm đó.

4.8 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vốn chủ sở hữu và các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 28 %. Thu nhập chịu thuế được xác định căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Năm 2008, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ theo Thông báo số 1329/TB- CT ngày 29/10/2007 của Cục thuế tỉnh Hà Tây về ưu đãi miễn.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 21**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH.**5.1 TIỀN**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Tiền mặt	188.371.885	3.059.711.912
Tiền gửi ngân hàng	4.493.324.850	32.329.433.601
Tiền đang chuyển	500.000.000	-
Tổng	5.181.696.735	35.389.145.513

5.2 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Ban quản lý DA Đầu tư Xây dựng TP Hà Đông	878.524.300	-
Tổng Công ty Vinaconex	6.404.771.600	-
Ban bồi thường giải phóng mặt bằng TX Sơn Tây	808.206.618	-
Đặng Ngọc An (đội 1)	914.463.200	-
Phải thu BHXH của CMCNV	282.952.320	-
Phải thu khác	191.715.154	-
Tổng	9.480.633.192	-

5.3 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.196.437.211	-
Công cụ, dụng cụ	52.032.500	70.012.758
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	156.151.554.364	73.524.917.660
Tổng	157.400.024.075	73.594.930.418

5.4 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Tạm ứng	23.165.056.865	196.570.000
Tổng	23.165.056.865	196.570.000

Số dư các khoản tạm ứng tại ngày 31/12/2008 là số tiền ứng trước cho các đội xây dựng của Công ty để thực hiện việc thi công các công trình.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 21

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<u>Nguyên giá</u>					
Tại 01/01/2008	1.339.700.113	12.781.424.229	7.768.595.330	338.191.305	22.227.910.977
Tăng trong năm	99.234.400	5.349.576.338	-	187.934.728	5.636.745.466
Mua trong năm		5.349.576.338		187.934.728	5.537.511.066
Tăng khác	99.234.400				99.234.400
Giảm trong năm	-	733.827.549	-	-	733.827.549
Thanh lý		733.827.549			733.827.549
Tại 31/12/2008	1.438.934.513	17.397.173.018	7.768.595.330	526.126.033	27.130.828.894
<u>Hao mòn lũy kế</u>					
Tại 01/01/2008	217.537.671	4.894.822.955	1.283.101.058	227.578.158	6.623.039.842
Tăng trong năm	163.886.223	2.428.903.653	910.212.264	82.051.972	3.585.054.112
Trích khấu hao	163.886.223	2.428.903.653	910.212.264	82.051.972	3.585.054.112
Tăng khác					-
Giảm trong năm	-	648.215.147	-	-	648.215.147
Thanh lý		648.215.147			648.215.147
Tại 31/12/2008	381.423.894	6.675.511.461	2.193.313.322	309.630.130	9.559.878.807
<u>Giá trị còn lại</u>					
Tại 01/01/2008	1.122.162.442	7.886.601.274	6.485.494.272	110.613.147	15.604.871.135
Tại 31/12/2008	1.057.510.619	10.721.661.557	5.575.282.008	216.495.903	17.570.950.087

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao còn sử dụng tại 31/12/2008: 814.796.852 đồng

5.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn
<u>Nguyên giá</u>	
Số dư tại 01/01/2008	794.728.091
Tăng trong năm	522.469.091
Thuê tài chính trong năm	522.469.091
Giảm trong năm	-
Số dư tại 31/12/2008	1.317.197.182
<u>Giá trị hao mòn lũy kế</u>	
Số dư tại 01/01/2008	262.310.000
Tăng trong năm	152.431.352
Khấu hao trong năm	152.431.352
Giảm trong năm	-
Số dư tại 31/12/2008	414.741.352
<u>Giá trị còn lại</u>	
Tại 31/12/2008	902.455.830
Tại 31/12/2007	532.418.091

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 21

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Giá trị thương hiệu	Cộng
<u>Nguyên giá</u>				
Số dư tại 01/01/2008	898.630.000	27.000.000	300.000.000	1.225.630.000
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2008	898.630.000	27.000.000	300.000.000	1.225.630.000
<u>Hao mòn lũy kế</u>				
Số dư tại 01/01/2008	17.972.400	10.125.000	41.250.000	69.347.400
Tăng trong năm	17.972.400	6.750.000	15.000.000	39.722.400
Khấu hao trong năm	17.972.400	6.750.000	15.000.000	39.722.400
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2008	35.944.800	16.875.000	56.250.000	109.069.800
<u>Giá trị còn lại</u>				
Tại 31/12/2008	862.685.200	10.125.000	243.750.000	1.116.560.200
Tại 31/12/2007	880.657.600	16.875.000	258.750.000	1.156.282.600

5.8 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Vay ngắn hạn		
Vay Ngân hàng Công thương Hà Tây	439.713.864	25.453.436.391
Vay Ngân hàng Đầu tư Phát triển Hà Tây (*)	35.540.379.180	75.270.368.675
Nợ dài hạn đến hạn trả		
Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hà Tây	2.521.000.000	25.733.333
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	108.825.950	142.575.492
Tổng	38.609.918.994	100.892.113.891

(*) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01/2008/HĐTD ngày 12/5/2008 với mục đích bổ sung vốn lưu động.

Số tiền được vay	: 40.000.000.000 VND;
Thời hạn vay	: đến 31/03/2009;
Lãi suất vay VND	: xác định trong từng hợp đồng ngắn hạn cụ thể;
Lãi quá hạn	: 150% lãi trong hạn, phí bảo lãnh 0,2%/năm;
Số dư tại ngày 31/12/2008	: 35.540.379.180 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 21

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.581.688.026	2.842.895.107
Thuế thu nhập doanh nghiệp	623.863.955	121.634.600
Các loại thuế khác	5.157.799	-
Tổng	2.210.709.780	2.964.529.707

5.10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
San lấp mặt bằng xã Đường Lâm	220.000.000	-
Công trình trung tâm phòng chống HIV	1.667.111.527	-
Trường dạy nghề tỉnh Hòa Bình	387.340.003	-
Trạm trộn bê tông	443.181.820	-
Trích trước chi phí các công trình	-	11.300.000.000
Tổng	2.717.633.350	11.300.000.000

5.11 PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	304.022.547	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	6.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.860.017.499	39.101.185.885
Tổng	8.164.040.046	39.107.185.885

Các khoản phải trả, phải nộp khác là các khoản phải trả đội xây dựng nhận khoán đối với các chứng từ chi phí do các đội đã chuyển về Công ty nhưng chưa làm thủ tục thanh toán.

5.12 PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	6.000.000	-
Người góp vốn đăng ký mua nhà	101.725.161.763	-
	101.731.161.763	-

5.13 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Vay dài hạn	1.709.794.540	8.424.819.540
Vay Ngân hàng Đầu tư Phát triển Hà Tây	1.709.794.540	8.424.819.540
Nợ dài hạn	193.333.341	23.759.287
Thuê tài chính	193.333.341	23.759.287
Tổng	1.903.127.881	8.448.578.827

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 21

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.14 VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2007	5.812.500.000		487.182.363	154.661.068	3.035.014.544	9.489.357.975
Tăng trong năm	11.021.500.000	3.250.200.000	929.900.575	295.206.532	3.818.612.982	19.315.420.089
Tăng vốn	11.021.500.000	3.250.200.000	-	-	0	14.271.700.000
Trích quỹ	-	-	929.900.575	295.206.532	0	1.225.107.107
Lợi nhuận	-	-	-	-	3.818.612.982	3.818.612.982
Giảm trong năm	-	-	-	-	2.602.065.318	2.602.065.318
Chia cổ tức	-	-	-	-	813.750.000	813.750.000
Trích quỹ	-	-	-	-	1.788.315.318	1.788.315.318
Số dư tại 31/12/2007	16.834.000.000	3.250.200.000	1.417.082.938	449.867.600	4.251.562.208	26.202.712.746
Số dư tại 01/01/2008	16.834.000.000	3.250.200.000	1.417.082.938	449.867.600	4.251.562.208	26.202.712.746
Tăng trong năm	166.000.000	49.800.000	1.202.863.000	381.861.000	3.602.292.046	5.402.816.046
Tăng vốn	166.000.000	49.800.000	-	-	-	215.800.000
Trích quỹ	-	-	1.202.863.000	381.861.000	-	1.584.724.000
Lợi nhuận	-	-	-	-	3.602.292.046	3.602.292.046
Giảm trong năm	-	-	-	-	3.468.612.333	3.468.612.333
Chia cổ tức	-	-	-	-	1.259.295.333	1.259.295.333
Trích quỹ	-	-	-	-	2.209.317.000	2.209.317.000
Số dư tại 31/12/2008	17.000.000.000	3.300.000.000	2.619.945.938	831.728.600	4.385.241.921	28.136.916.459

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 21**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN****5.15 DOANH THU**

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Kinh doanh BĐS	-	12.011.720.909
Hàng hóa và dịch vụ	6.076.451.574	24.211.783
Xây lắp	145.369.539.842	152.256.954.201
Bê tông	15.896.156.049	-
Tổng	167.342.147.465	164.292.886.893
Giảm trừ doanh thu	-	4.545.455
Doanh thu thuần	167.342.147.465	164.288.341.438

5.16 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Kinh doanh BĐS	-	9.969.728.354
Hàng hóa và dịch vụ	5.165.283.107	21.790.605
Xây lắp	128.273.435.811	138.981.354.295
Bê tông	16.065.521.686	-
Tổng	149.504.240.604	148.972.873.254

5.17 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	221.718.328	80.715.809
Tổng	221.718.328	80.715.809

5.18 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Chi phí lãi vay	8.771.754.156	8.005.802.201
Lãi thuê tài chính	68.741.268	30.848.896
Tổng	8.840.495.424	8.036.651.097

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 21**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

5. 19 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2008 (VND)	Năm 2007 (VND)
Chi phí nhân viên quản lý	1.815.415.060	1.356.276.474
Chi phí vật liệu quản lý và công cụ dụng cụ	29.042.332	62.296.031
Chi phí khấu hao tài sản cố định	724.561.482	246.454.327
Thuế, phí, lệ phí	1.152.980.393	2.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	512.905.978	671.418.665
Chi phí khác bằng tiền	1.004.256.816	485.827.943
Tổng	5.239.162.061	2.824.273.440

5. 20 CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm 2008 (VND)	Năm 2007 (VND)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.188.712.046	4.440.247.582
Các khoản điều chỉnh	2.240	(439)
Lợi nhuận chịu thuế	4.188.714.286	4.440.247.143
Thuế suất áp dụng	28%	28%
Tỷ lệ ưu đãi	50%	50%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	586.420.000	621.634.600

5. 21 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2008 (VND)	Năm 2007 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.602.292.046	3.818.612.982
Các khoản điều chỉnh		
<i>Điều chỉnh cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Điều chỉnh chênh lệch phát sinh do thanh toán cổ phiếu ưu đãi và những tác động tương tự của cổ phiếu ưu đãi đã phân loại vào vốn chủ sở hữu</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3.602.292.046	3.818.612.982
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.700.000	1.383.124
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.119	2.761

5. 22 CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	160.778.285.405	144.558.460.037
Chi phí nhân công	39.381.691.381	41.380.261.758
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.777.207.865	2.464.706.291
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.213.985.262	1.457.651.058
Chi phí khác bằng tiền	2.113.519.779	27.578.941.675
Tổng	247.264.689.692	217.440.020.819

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Do chưa thống kê được các nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan nên Công ty chưa trình bày các số liệu này trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008.

6.3 Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 đã được kiểm toán.

Nguyễn Xuân Việt

Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2009

Nguyễn Hải Hiệp

Kế toán trưởng